

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẾN TRE Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/HS-PT

Ngày 23-02-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Bà Nguyễn Thị Rên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông
Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2024/TLPT-HS ngày 12 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo Đặng Minh T và Lê Thị H do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 57/2023/HS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Đặng Minh T, sinh năm 1994 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số A ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn B, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1968; tiền án: có 01 tiền án. Tại Bản án số: 24A/2022/HSST ngày 22/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 09 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”, chấp hành án xong ngày 04/02/2023; tiền sự: có 04 tiền sự. Tại Quyết định số: 14/QĐ-TA ngày 20/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre đã quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng; tại Quyết định số: 12/QĐ-XPVPHC ngày 10/02/2019 của Trưởng Công an xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; tại Quyết định số: 07/QĐ-TA ngày 09/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre đã quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 14 tháng; tại Quyết định số: 68/QĐ-XPVPHC ngày

14/6/2021 của Trưởng Công an thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chưa nộp phạt; nhân thân: tại Quyết định số: 05/QĐ-TA ngày 19/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre đã quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng; bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. Lê Thị H, sinh năm 1963 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số B Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: lớp 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C (chết) và bà Đặng Thị K (chết); chồng: Đào Văn M, sinh năm 1964; con: có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1999; tiền án: không; tiền sự: có 02 tiền sự. Tại Quyết định số: 27/QĐ-XPVPHC ngày 23/3/2022 của Trưởng Công an thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi tham gia đánh bạc trái phép dưới hình thức trò chơi điện tử (game bắn chim) mà được, thua bằng tiền, nộp phạt ngày 21/4/2022; tại Quyết định số: 43/QĐ-XPVC ngày 30/5/2022 của Trưởng Công an thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 750.000 đồng về hành vi không thực hiện đúng quy định về thông báo lưu trú, nộp phạt ngày 29/6/2022; nhân thân: tại Bản án số 04/HSST ngày 02/11/2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã xử phạt 06 năm tù về “Tội chứa mại dâm”, được đặc xá tha tù trước hạn vào ngày 30/10/2006; tại Quyết định số 2365/QĐ-XPVPHC ngày 28/7/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 5.000.000 đồng về hành vi đánh bạc bằng trò chơi điện tử trái phép mà được thua bằng tiền và cầm đồ tại sòng bạc, đã nộp phạt ngày 06/8/2020; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị H*: Bà Đinh Thị Bé M1 là Luật sư - Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T; có mặt.

(Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Tấn P1 nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Tấn P1 có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 37/2022/HSST ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre, chấp hành xong ngày 20 tháng 01 năm 2023 và Đặng Minh T có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 24/2022/HSST ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, chấp hành xong ngày 04 tháng 02 năm 2023, chưa được xóa án tích, nhưng tiếp tục thực hiện 04 vụ trộm trên địa

bàn huyện T, tỉnh Bến Tre, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 19/3/2023, Nguyễn Tấn P1 chơi game bắn cá cùng Đặng Minh T ở nhà ông Đào Văn M ở Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Phiên mượn xe của Đặng Minh T biển số 71S5-3152 để về nhà. Trên đường về, do không có tiền tiêu xài cá nhân nên P1 nảy sinh ý định tìm nhà nào có sơ hở lấy trộm tài sản. Khi đến khu vực ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre, P1 quan sát thấy nhà ông Nguyễn Hồng V khóa cửa, không người trông coi, phần hàng rào lưới B40 có chỗ bị hư hỏng tạo khoảng trống có thể chui qua. Sau khi quan sát thấy không có ai, P1 khom người chui qua lỗ trống để vào khu vực sân nhà rồi đi theo lối bên hông nhà bên phải để ra phía sau nhà ông V. Tại đây, P1 phát hiện có 02 chuồng sắt nhốt 02 con gà trống nòi, cửa chuồng không khóa mà chỉ cố định bằng móc sắt. Phiên dùng tay mở cửa chuồng thứ nhất bắt được con gà trống nòi, lông màu đỏ-đen, cân nặng 2,1 kilogam bỏ vào trong áo, sau đó mở chuồng thứ hai bắt tiếp một con gà trống nòi, lông màu vàng đen, cân nặng 1,5 kilogam bỏ vào trong áo. Sau đó, P1 trở ra theo lối đột nhập, khi P1 vừa chui qua khỏi hàng rào chuẩn bị ra xe rồi khỏi hiện trường thì bị Công an xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre tuần tra phát hiện, P1 bỏ lại tang vật gồm: 02 con gà nói trên, một đôi dép bằng nhựa màu đen và chiếc xe mô tô biển số 71S5-3152, còn P1 chạy bộ tẩu thoát được.

Công an xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre đã thu hồi tài sản, chụp ảnh miêu tả và trả tài sản lại cho bị hại ông Nguyễn Hồng V.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTS ngày 28/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự - Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre kết luận:

- 01 (một) con gà trống nòi có lông màu đỏ-đen, chân xanh, cân nặng 2,1 kilogam. Hội đồng định giá thống nhất định giá theo giá khảo sát tại các điểm mua bán gà thịt trên địa bàn huyện, gà có giá 100.000 đồng/kg, thành tiền 210.000 đồng (hai trăm mười nghìn đồng).

- 01 (một) con gà trống nòi có lông màu vàng-đen, cân nặng 1,5 kilogam. Hội đồng định giá thống nhất định giá theo giá khảo sát tại các điểm mua bán gà thịt trên địa bàn huyện, gà có giá 100.000 đồng/kg, thành tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản là 360.000 (ba trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 00 giờ ngày 19/3/2023, Đặng Minh T đang chơi game bắn cá ở nhà ông Đào Văn M ở Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre thì thấy Hồ Thái T1 điều khiển xe gắn máy không rõ biển số chạy ngang. T nhờ T1 chở đến nhà

người bạn tên T2 ở xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre để coi gà thì T1 đồng ý. Tuy nhiên, đến nơi thì T2 không có nhà nên T và T1 quay về. Trên đường về đến đoạn gần cầu M ở ấp A, xã M, T nói với T1 cho T xuống xe để ghé nhà người bạn chơi sáng về. Sau khi xuống xe, T đi ngược lại cổng chào xã M tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đến trước cửa nhà của ông Nguyễn Trí D (sinh năm 1960, cư trú ở ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre), thấy nhà không có hàng rào, cửa nhà đã đóng, tắt đèn nhưng khu vực tiền chế trước nhà có 01 xe mô tô biển số 60L6-9200, hiệu DRUM, màu nâu, bửng trắng nên T nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe trên để bán lấy tiền tiêu xài. Do không có chìa khóa xe nên T dùng tuavit chuẩn bị từ trước, tháo mặt nạ trước cổ xe rồi bứt dây nguồn điện, dẫn xe ra lộ khởi động xe và tẩu thoát. T đến tiệm game bắn cá của anh Hồ Thanh H1 ở xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre để chơi game bắn cá. Chơi thua hết tiền nên T mượn tiền H1 với số tiền 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng) để nạp điểm chơi game tiếp. Đến khoảng 05 giờ ngày 20/3/2023 thì thua hết điểm nên T nghỉ chơi và mượn H1 thêm số tiền 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) đón xe buýt về nhà và để lại xe mô tô trộm cắp được tại quán game bắn cá. Sau đó, Công an mời làm việc, T đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản. Cơ quan điều tra đã thu hồi được xe mô tô nói trên và trả lại cho chủ sở hữu.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐGTS ngày 28/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre kết luận: 01 (một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu DRUM, màu nâu, bửng trắng, bánh mâm màu đen, biển số 60L6-9200, số máy FMG-3-0134050, số khung G0011L-0300050 có giá trị 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 04 giờ 30 phút, ngày 29/3/2023, do không có tiền tiêu xài cá nhân, Nguyễn Tấn P1 và Đặng Minh T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên P1 điều khiển xe mô tô không rõ biển số (trước đó P1 đã mượn xe của Nguyễn Văn S, sinh năm 1988, nơi cư trú: số nhà F ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre để đi lại) đi từ nhà Đặng Minh T thuộc ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre đến địa bàn xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre để trộm cắp. Khi P1 điều khiển xe ngang nhà ông Phan Văn T3 (sinh năm 1969, cư trú ở ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre) thì phát hiện có gà gáy nên P1 dừng xe trên cầu bê tông Nguyễn Thị H2 cách nhà ông T3 khoảng 10m, T ngồi trên xe để cảnh giới. Sau đó, P1 đi bộ đến hông nhà ông T3 phát hiện tại bội gà có nhốt 01 con gà trống nòi có lông màu xám, mồng dàu, cân nặng 3,2 kilogam và 01 con gà trống nòi có lông màu xanh đen, mồng dàu, chân vàng điểm, cân nặng 2,9 kilogam được nhốt trong chuồng gà, P1 bắt trộm 02 con gà rồi quay ra xe để T điều khiển xe tẩu thoát. Sau khi trộm được tài sản, P1 và T mang hai con gà đã

trộm được đến nhà ông Đào Văn M thì gặp bà Lê Thị H (vợ ông M). Phiên, T thỏa thuận bán hai con gà cho bà H với giá 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng) nhưng không nhận tiền mặt mà quy đổi thành điểm để chơi game bắn cá tương đương 88.000 điểm. Khi bà H thỏa thuận mua hai con gà với P1, T thì có hỏi rõ nguồn gốc hai con gà được P1 và T nói rõ do vừa trộm cắp được. Bà H biết được tài sản do trộm cắp được mà có nhưng vẫn đồng ý mua hai con gà trên với mục đích làm thịt ăn. Tài sản không thu hồi được do bà H sau khi mua đã làm thịt ăn.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐĐGTS ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự - Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre kết luận:

- 01 (một) con gà trống nòi có lông màu xám, mồng dậu, cân nặng 3,2kg có giá 320.000 (ba trăm hai mươi nghìn) đồng.

- 01 (một) con gà trống nòi có lông màu xanh đen, mồng dậu, chân vàng điểm, cân nặng 2,9 kg có giá 290.000 (hai trăm chín mươi nghìn) đồng.

Tổng giá trị tài sản là 610.000 (sáu trăm mười nghìn) đồng.

Vụ thứ tư: Khoảng 01 giờ, ngày 30/3/2023, do không có tiền tiêu xài cá nhân nên Nguyễn Tấn P1 đi bộ tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Trên đường đi thì P1 gặp Hồ Thái T1 điều khiển xe gắn máy, biển số 71AD-021.06 nên P1 rủ T1 cùng đi tìm tài sản để trộm, T1 đồng ý và điều khiển xe gắn máy chở P1 ngồi sau. Khi đến nhà của anh Nguyễn Hoàng G ở ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre phát hiện có chuồng gà nên P1 nói T1 cho P1 xuống xe để đột nhập vào nhà tìm tài sản để trộm, còn T1 điều khiển xe chạy tới một đoạn thì dừng xe lại và cảnh giới. Phiên đột nhập theo lối vào cửa hông bên trái vào nhà của G bắt trộm hai con gà trống nòi có đặc điểm: 01 (một) con gà có lông đuôi màu xanh, thân có lông màu vàng, mồng dậu, chân vàng, cân nặng 03 kilogam và 01 (một) con gà trống nòi có lông màu vàng, xanh, trắng, lông đuôi màu xanh, chân vàng, cân nặng 2,6 kilogam. Cả hai con gà được nhốt trong hai túi đệm đan bằng lát khô, miệng túi được xuyên bằng thanh tre khô. Sau đó, P1 tẩu thoát bằng đường đột nhập ra xe để T1 chở tẩu thoát đến nhà ông Đào Văn M. Sau đó gặp bà Lê Thị H, P1 và T1 thỏa thuận cầm cố hai con gà đã trộm được cho bà H với giá 800.000 (tám trăm nghìn) đồng bằng hình thức đổi điểm nạp game bắn cá tương đương số điểm 88.000 điểm để chơi và đã thua hết. Khi thỏa thuận cầm cố hai con gà trên, bà H có hỏi và biết được P1 và T1 vừa trộm cắp được hai con gà nêu trên nhưng vẫn đồng ý cầm cố. Đến khoảng 10 giờ ngày 30/3/2023, Trịnh Văn Đ (sinh năm 1993, nơi cư trú: số 135/BVB, ấp B, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre) đến nhà ông M để chơi. Phiên và T1 thỏa thuận bán hai con gà cho Đ với số

tiền 1.200.000 (một triệu hai trăm nghìn) đồng. Sau khi có tiền, P1 trả cho bà H 800.000 (tám trăm nghìn) đồng là tiền đã cầm cố hai con gà, còn lại 400.000 đồng, P1 đã chia cho T1 số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và đã tiêu xài cá nhân hết. Khi thỏa thuận bán hai con gà cho Trịnh Văn Đ, P1 và T1 không nói rõ nguồn gốc hai con gà do trộm cắp được mà có. Sau đó, Đ đã bán lại hai con gà nêu trên cho một người khác không xác định được họ tên địa chỉ cụ thể.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐGTS ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự - Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre kết luận:

- 01 (một) con gà trống nòi có lông đuôi màu xanh, thân có lông màu vàng, mồng dậu, chân vàng, cân nặng 3,0 kg có giá 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

- 01 (một) con gà trống nòi có lông màu vàng, xanh, trắng, lông đuôi màu xanh, chân vàng, cân nặng 2,6 kg có giá 260.000 (hai trăm sáu mươi nghìn) đồng.

- 02 (hai) túi đệm đựng gà, đan bằng lát khô, đã qua sử dụng, là vật mau hỏng, rẻ tiền, đã qua sử dụng nên giá trị còn lại là 0 đồng.

Tổng giá trị: 560.000 (năm trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Đối với xe gắn máy biển số 71AD-021.06, nhãn hiệu Viet Thai, loại 50 phân khối là tài sản của anh Huỳnh Văn T4 và vợ là Trần Thị Yến K1. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện đã xác minh đối với anh T4 kết quả vào khoảng tháng 3 năm 2023, anh T4 có cho Hồ Văn P2 (làm thuê cho anh T4) mượn xe trên để đi lại. Hồ Văn P2 là anh ruột của Hồ Thái T1 nên khi T1 lấy xe đi thì anh P2 không biết.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 57/2023/HS-ST ngày 07/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Đặng Minh Tân p “Tội trộm cắp tài sản”.

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Hồng p1 “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Minh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị H 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Tấn P1, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng

cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 15/12/2023, bị cáo Đặng Minh T kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt. Ngày 19/12/2023, bị cáo Lê Thị H kháng cáo yêu cầu xem xét mức hình phạt hoặc được phạt tiền là hình phạt chính.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo Lê Thị H xác định yêu cầu kháng cáo là xin được hưởng án treo hoặc được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Đặng Minh Tân p “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, bị cáo Lê Thị Hồng p1 “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Về hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo T 01 năm 06 tháng tù và bị cáo H 06 tháng tù là phù hợp; kháng cáo của các bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Tuyên bố bị cáo Đặng Minh Tân p “Tội trộm cắp tài sản” và bị cáo Lê Thị Hồng p1 “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đặng Minh T 01 năm 06 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Thị H 06 tháng tù về “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bị cáo T không tranh luận.

- Bị cáo H tranh luận: Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, nuôi cháu nhỏ, chồng bị bệnh, xin được hưởng án treo hoặc được phạt tiền.

- Người bào chữa cho bị cáo H phát biểu tranh luận: Về tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng về việc tổng đạt văn bản tố tụng là Bản án và Thông báo sửa đổi, bổ sung Bản án. Bản án sơ thẩm không tuyên bố bị cáo Lê Thị Hồng p1 “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” thì không có cơ sở để áp dụng hình phạt đối với bị cáo H. Về nội dung, tất cả các tình tiết giảm nhẹ trong Bản án sơ thẩm đều có nêu, hiện nay chồng bị cáo bị bệnh, bị cáo có khó khăn về gia cảnh. Đề nghị

Hội đồng xét xử hủy Bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng để xét xử sơ thẩm lại vụ án.

- Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo T xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo H xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo hoặc được phạt tiền để bị cáo có điều kiện chăm sóc cho chồng và cháu nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: căn cứ vào lời khai của các bị cáo kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định:

Bị cáo Nguyễn Tấn P1 đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể: ngày 19/3/2023, trộm 02 con gà trống nòi trị giá 360.000 đồng của ông Nguyễn Hồng V tại ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre; ngày 29/3/2023, trộm 02 con gà trống nòi trị giá 610.000 đồng của ông Phan Văn T3 ở ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre; ngày 30/3/2023, trộm 02 con gà trống nòi trị giá 560.000 đồng của anh Nguyễn Hoàng G ở ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre; tổng giá trị tài sản mà bị cáo Nguyễn Tấn P1 đã trộm là 1.530.000 đồng;

Bị cáo Đặng Minh T đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể: ngày 19/3/2023, trộm 01 xe mô tô biển số 60L6 - 9200 trị giá 1.500.000 đồng của ông Nguyễn Trí D ở ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre; ngày 29/3/2023, trộm 02 con gà trống nòi trị giá 610.000 đồng của ông Phan Văn T3 ở ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre; tổng giá trị tài sản mà bị cáo Đặng Minh T đã trộm là 2.110.000 đồng;

Bị cáo Lê Thị H mặc dù biết gà do bị cáo P1 và bị cáo T trộm cắp mà có, tuy không có hứa hẹn trước nhưng bị cáo H vẫn mua và cầm cố 02 lần với tổng số tiền 1.600.000 đồng.

[3] Về tội danh: các bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; bị cáo T mặc dù đã bị kết án về “Tội trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích, nhưng vì động cơ tư lợi, mục đích chiếm đoạt tài sản đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của 02 bị hại với tổng giá trị tài sản 2.110.000 đồng; bị cáo H vì động cơ tư lợi, mặc dù biết tài sản trộm cắp mà có nhưng vẫn mua và cầm cố 02 lần với tổng

số tiền 1.600.000 đồng; các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi, nhân thân và giá trị tài sản chiếm đoạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Đặng Minh Tân p “Tội trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và bị cáo Lê Thị Hồng p1 “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Đặng Minh T yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và bị cáo Lê Thị H yêu cầu được hưởng án treo hoặc được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền, thấy rằng:

Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: các bị cáo Đặng Minh T và Lê Thị H đều có nhân thân xấu, đều bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Đặng Minh T và Lê Thị H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tài sản bị chiếm đoạt có giá trị không lớn, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đã xử phạt bị cáo Đặng Minh T 01 năm 06 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản” và bị cáo Lê Thị H 06 tháng tù về “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Mặc dù các bị cáo phạm tội có khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm, thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng theo quy định tại các điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên thấy rằng: các bị cáo phạm tội có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Đặng Minh T có nhân thân xấu, có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xoá án tích, có 04 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo Lê Thị H có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về tội chứa mại dâm, đang có 02 tiền sự về hành vi tham gia đánh bạc bằng hình thức trò chơi điện tử được thua bằng tiền và hành vi không thực hiện đúng quy định về thông báo lưu trú, nhưng các bị cáo vẫn không chịu cải tạo bản thân mà còn tiếp tục phạm tội có tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên”, điều đó thể hiện ý thức xem thường pháp luật của các bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Đặng Minh

T 01 năm 06 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản” và bị cáo Lê Thị H 06 tháng tù về “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả xảy ra và nhân thân của các bị cáo; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo H cung cấp “Phiếu chỉ định” chẩn đoán chông bị cáo bị tổn thương nông tại háng và đùi, đau cột sống thắt lưng để yêu cầu được hưởng án treo hoặc được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền, xét thấy bị cáo có 02 tiền sự và phạm tội 02 lần trở lên nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đối với yêu cầu được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền của bị cáo là chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, chưa đủ sức giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung; tại cấp phúc thẩm bị cáo T cũng không phát sinh tình tiết mới có ý nghĩa xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về mức hình phạt cũng như biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để thay đổi mức hình phạt cũng như biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[5] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[6] Người bào chữa cho bị cáo H cho rằng Bản án sơ thẩm không tuyên bố bị cáo Lê Thị Hồng p1 “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” thì không có cơ sở để áp dụng hình phạt đối với bị cáo H, nên đề nghị hủy Bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng để xét xử sơ thẩm lại vụ án. Xét thấy: qua xem xét tài liệu hồ sơ vụ án, thấy rằng Biên bản nghị án và Bản án gốc của Hội đồng xét xử sơ thẩm có thể hiện nội dung tuyên bố bị cáo Lê Thị Hồng p1 “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; Bản án sơ thẩm cũng có nhận định: “... Lê Thị H mặc dù biết gà do P1, T và T1 trộm cắp được mà có, tuy không có hứa hẹn trước nhưng bị cáo vẫn mua và cầm cố 02 lần với tổng số tiền 1.600.000 đồng. Nên bản Cáo trạng số: 54/CT-VKS, ngày 23/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố ... bị cáo Lê Thị H về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật”. Khi in ấn phát hành thì Bản án chính của Tòa án cấp sơ thẩm có thiếu sót không thể hiện nội dung *tuyên bố bị cáo Lê Thị Hồng p1 “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”*; tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã ra Thông báo,

sửa chữa, bổ sung bản án, trong đó đã bổ sung nội dung *tuyên bố bị cáo Lê Thị Hồng p1 “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”* và bị cáo H đã được nhận Thông báo này, xét thấy việc thiếu sót như nêu trên đã được Tòa án cấp sơ thẩm khắc phục xong, cũng không làm thay đổi bản chất của vụ án, việc hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại về nội dung này là không cần thiết, lẽ đó đề nghị của người bào chữa không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo Đặng Minh T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận. Bị cáo Lê Thị H là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đặng Minh T và Lê Thị H; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 57/2023/HS-ST ngày 07/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre;

Tuyên bố bị cáo Đặng Minh Tân p “Tội trộm cắp tài sản” và bị cáo Lê Thị Hồng p1 “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

1.1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đặng Minh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều của 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Thị H 06 (sáu) tháng tù về “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 12; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Đặng Minh T phải nộp: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Lê Thị H được miễn nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc

thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện T (6b);
- VKSND huyện T (1b);
- Công an huyện T (1b);
- Chi cục THADS huyện T (1b);
- UBND xã M, huyện T (1b);
- UBND thị trấn T, huyện T (1b);
- Các bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông